

Số: 17/2019/QĐST-DS

Bắc Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên hòa giải đều nhất trí với nội dung của Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019;

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và kể từ ngày đương sự vắng mặt nhận được Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1957, địa chỉ: Số 02, khu Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 10, ngõ 6, gác 7, tổ M, phường Đ, thành phố B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Giáp Văn T, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 02, khu Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn A và bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ trả bà Hoàng Thị M số tiền gốc 12.000.000 đồng theo các kỳ thanh toán sau:

Ngày 5-10-2019, ông A và bà T trả bà M 2.000.000 đồng.

Ngày 5-11-2019, ông A và bà T trả bà M 2.000.000 đồng.

Ngày 5-12-2019, ông A và bà T trả bà M 2.000.000 đồng.

Ngày 5-1-2020, ông A và bà T trả bà M 2.000.000 đồng.

Ngày 5-2-2020, ông A và bà T trả bà M 2.000.000 đồng.

Ngày 5-3-2020, ông A và bà T trả bà M 2.000.000 đồng.

2.2. Nếu ông A, bà T vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào thì bà M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc ông A, bà T phải trả toàn bộ số nợ còn phải trả.

2.3. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị M. Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn A chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP. B;
- VKS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang